



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-24
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06- 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09-24

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán quý III năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thị Tường An	Thành viên
Ông Bùi Quý Ba	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban
Bà Dương Quỳnh Hoa	Thành viên
Bà Lê Thị Nam	Thành viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán quý III năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Nguyễn Tuấn Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>142.144.385.284</b>	<b>172.301.241.832</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.975.960.161	6.601.698.711
111	1. Tiền		2.975.960.161	6.601.698.711
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3	-	24.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	24.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		84.538.175.065	128.469.417.639
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	62.155.193.265	99.201.938.235
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		17.682.981.800	19.238.308.390
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	4.700.000.000	29.171.014
140	IV. Hàng tồn kho	6	54.003.487.215	12.621.416.236
141	1. Hàng tồn kho		54.003.487.215	12.621.416.236
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		626.762.843	608.709.246
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	11.666.668	18.084.854
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		615.096.175	590.624.392
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>112.673.399.327</b>	<b>73.773.263.664</b>
220	II. Tài sản cố định		10.413.178.465	11.336.288.610
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.413.178.465	11.336.288.610
222	- Nguyên giá		16.200.558.979	16.200.558.979
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.787.380.514)	(4.864.270.369)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7	15.000.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.000.000.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	3	84.000.000.000	59.027.791.289
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.000.000.000	59.027.791.289
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.260.220.862	3.409.183.765
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.260.220.862	3.409.183.765
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>254.817.784.611</b>	<b>246.074.505.496</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.541.030.737</b>	<b>11.226.272.362</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.541.030.737</b>	<b>11.226.272.362</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	8.002.784.240	3.031.754.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		620.273.550	1.814.547.650
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	147.206.560	499.305.393
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		5.591.393	-
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.765.174.994	5.880.664.714
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>238.276.753.874</b>	<b>234.848.233.134</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12</b>	<b>238.276.753.874</b>	<b>234.848.233.134</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		157.499.560.000	157.499.560.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		157.499.560.000	157.499.560.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		39.750.000.000	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.882.587.497	2.940.332.357
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.255.068.636	74.408.340.777
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		30.990.805.023	27.295.583.730
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.264.263.613	47.112.757.047
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.889.537.741	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>254.817.784.611</b>	<b>246.074.505.496</b>



**Hoàng Thị Kim Lan**  
Người lập



**Hoàng Thị Kim Lan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý III Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III	Quý III	Lũy kế đến	Lũy kế đến	VND	VND
			Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	50.223.510.760	128.514.208.115	149.760.696.630	322.462.667.441		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.223.510.760	128.514.208.115	149.760.696.630	322.462.667.441		
11	4. Giá vốn hàng bán	14	49.485.695.618	115.073.221.822	144.881.341.207	292.072.149.792		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		737.815.142	13.440.986.293	4.879.355.423	30.390.517.649		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	869.921	437.274.967	849.321.051	1.120.251.286		
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-		6.535.515
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	755.760.720	-	2.404.461.740		
25	9. Chi phí bán hàng		371.799.152	358.138.023	1.234.138.701	1.065.363.801		
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp							
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		366.885.911	12.764.362.517	4.494.537.773	28.047.478.909		
31	12. Thu nhập khác		-	-	2.670	20.000		
32	13. Chi phí khác		5.906.909	336.856	6.208.371	1.163.952		
40	14. Lợi nhuận khác		(5.906.909)	(336.856)	(6.205.701)	(1.143.952)		


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**


Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020

50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	360.979.002	12.764.025.661	4.488.332.072	28.046.334.957
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.169.832	-	147.509.763	257.145.594
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	342.809.170	12.764.025.661	4.340.822.309	27.789.189.363
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	306.640.492	12.764.025.661	4.264.263.613	27.789.189.363
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	36.168.678	-	76.558.696	-



  
**Hoàng Thị Kim Lan**  
Người lập

  
**Hoàng Thị Kim Lan**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Tuấn Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý III Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế đến Quý III	Lũy kế đến Quý III
			Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.488.332.072	28.046.334.957
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		923.110.145	922.415.702
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(849.321.051)	(1.120.251.286)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.562.121.166	27.848.499.373
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		33.906.770.791	(11.735.208.892)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(41.382.070.979)	(13.694.555.930)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		3.782.346.928	10.161.201.092
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		155.381.089	162.042.255
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(499.608.596)	(40.101.875)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		524.940.399	12.701.876.023
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.000.000.000)	(50.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		24.000.000.000	(34.000.000.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	15.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		849.321.051	1.120.251.286
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.150.678.949)	(17.929.748.714)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.625.738.550)	(5.227.872.691)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.601.698.711	11.280.523.209
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	5.975.960.161	6.052.650.518



Hoàng Thị Kim Lan  
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** *Quý III Năm 2020*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Đầu Tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 157.499.560.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 là 157.499.560.000 đồng; tương đương 15.749.956 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sắn lát và ngô hạt sấy.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn thực phẩm khác;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng: nông, lâm sản nguyên liệu, thành phẩm, thực phẩm. Đại lý các mặt hàng công ty kinh doanh.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 02 - 08 năm |

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.14 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.15 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.16 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Ưu đãi thuế

Công ty đang được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi.

**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.927.007.730	1.540.384.124
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.952.431	5.061.314.587
	<u><b>2.975.960.161</b></u>	<u><b>6.601.698.711</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH TM & DV Hà Biên	5.542.264.660	-	5.542.264.660	-
Công ty Cổ phần HDC Hà Nội	6.560.524.070	-	17.046.425.850	-
Công ty TNHH Đầu Tư Bắc Vương	16.709.355.510	-	29.594.355.510	-
Công ty TNHH Xây Dựng Kinh Bắc Thăng Long	8.381.458.165	-	30.380.662.055	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hanco Việt Nam	-	-	7.005.232.500	-
Công ty TNHH Xây Dựng 389 Hà Nội	-	-	6.858.432.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Minh Lộc	-	-	2.774.565.660	-
Công ty Cổ Phần Tinh Bột Sấn Elmaco Ninh Bình	23.591.451.260	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.370.139.600	-	-	-
	<b>62.155.193.265</b>	<b>-</b>	<b>99.201.938.235</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	-	-	<b>234.999.493</b>	<b>-</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 18)</i>				

**5 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	4.700.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	29.171.014	-
	<b>4.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.171.014</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020**6 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2020		01/01/2020	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.058.070.000	-	-	-
Thành phẩm	33.912.149.815	-	10.631.078.489	-
Hàng hoá	16.033.267.400	-	1.990.337.747	-
	<u><b>54.003.487.215</b></u>	<u>-</u>	<u><b>12.621.416.236</b></u>	<u>-</u>

**7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Là chi phí mua thửa đất số 1A và thửa đất số 1 thuộc bản đồ tờ số 19/SĐ tại địa chỉ: Bản cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số CN249620. Hiện tại đơn vị đang tiến hành các thủ tục để chuyển nhượng quyền sở hữu đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
 Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	9.994.000.480	6.206.558.499	-	-	-	16.200.558.979
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.994.000.480</b>	<b>6.206.558.499</b>	-	-	-	<b>16.200.558.979</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.926.785.983	2.937.484.386	-	-	-	4.864.270.369
- Khấu hao trong kỳ	314.845.533	608.264.612	-	-	-	923.110.145
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.241.631.516</b>	<b>3.545.748.998</b>	-	-	-	<b>5.787.380.514</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	8.067.214.497	3.269.074.113	-	-	-	11.336.288.610
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>7.752.368.964</b>	<b>2.660.809.501</b>	-	-	-	<b>10.413.178.465</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.666.668	18.084.854
	<b><u>11.666.668</u></b>	<b><u>18.084.854</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phần mềm kế toán	10.014.583	-
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	3.250.206.279	3.409.183.765
	<b><u>3.260.220.862</u></b>	<b><u>3.409.183.765</u></b>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty CP Đầu Tư Nông Nghiệp Agri- Vina	-	-	2.663.467.035	-
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	7.994.272.740	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	8.511.500	-	368.287.570	-
	<b><u>8.002.784.240</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.031.754.605</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
Bản Chung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	499.305.393	147.509.763	499.608.596	-	147.206.560
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	<b>499.305.393</b>	<b>153.509.763</b>	<b>505.608.596</b>	-	<b>147.206.560</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỤC PHẨM HỒNG HÀ**

Bán Cung, Tả Làng, xã Tú Nàng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

**12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng		
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	157.499.560.000		-		-		1.183.965.810		32.564.683.371		-		191.248.209.181
Lãi trong kỳ trước	-		-		-		-		47.112.757.047		-		47.112.757.047
Giảm khác	-		-		-		1.756.366.547		(5.269.099.641)		-		(3.512.733.094)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	157.499.560.000		-		-		2.940.332.357		74.408.340.777		-		234.848.233.134
<b>Số dư đầu năm nay</b>	157.499.560.000		-		-		2.940.332.357		74.408.340.777		-		234.848.233.134
Tăng vốn trong kỳ nay	-		-		-		-		-		1.812.979.045		1.812.979.045
Lãi trong kỳ nay	-		-		-		-		4.264.263.613		76.558.696		4.340.822.309
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		942.255.140		(2.826.765.420)		-		(1.884.510.280)
Trả cổ tức trong kỳ	-		-		-		-		(40.500.000.000)		-		(750.000.000)
Điều chỉnh khác	-		-		-		-		(90.770.334)		-		(90.770.334)
<b>Số dư cuối kỳ nay</b>	157.499.560.000		39.750.000.000	25,28%	39.750.000.000	25,28%	3.882.587.497	2,46%	35.255.068.636	22,38%	1.889.537.741	1,20%	238.276.753.874

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	(%)	(%)
Ông Lê Văn Đức	25.000.000.000	15,87%	25.000.000.000	15,87%	15,87%	15,87%
Ông Nguyễn Xuân Giáp	15.625.000.000	9,92%	15.625.000.000	9,92%	9,92%	9,92%
Các cổ đông khác	116.874.560.000	74,21%	116.874.560.000	74,21%	74,21%	74,21%
	157.499.560.000	100%	157.499.560.000	100%	100%	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Lũy kế đến Quý III Năm 2020	Lũy kế đến Quý III Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	157.499.560.000	157.499.560.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	157.499.560.000	157.499.560.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	157.499.560.000	157.499.560.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/09/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.749.956	15.749.956
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.749.956	15.749.956
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.749.956	15.749.956
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.749.956	15.749.956
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.749.956	15.749.956
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.882.587.497	2.940.332.357
	<b>3.882.587.497</b>	<b>2.940.332.357</b>

**13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Lũy kế đến Quý III Năm 2020	Lũy kế đến Quý III Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	149.760.696.630	322.462.667.441
	<b>149.760.696.630</b>	<b>322.462.667.441</b>

**14 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Lũy kế đến Quý III Năm 2020	Lũy kế đến Quý III Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	144.881.341.207	292.072.149.792
	<b>144.881.341.207</b>	<b>292.072.149.792</b>

**15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế đến Quý III Năm 2020	Lũy kế đến Quý III Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	849.321.051	1.120.251.286
	<b>849.321.051</b>	<b>1.120.251.286</b>

**16 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.975.960.161	-	6.601.698.711	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.855.193.265	-	99.231.109.249	-
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.000.000.000	-
	<b>69.831.153.426</b>	<b>-</b>	<b>139.832.807.960</b>	<b>-</b>
			Giá trị số kế toán	
			30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			8.008.375.633	3.031.754.605
			<b>8.008.375.633</b>	<b>3.031.754.605</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**17 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2020**18 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	30/09/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		-	<b>234.999.493</b>
Công ty CP Nông sản Ngọc Lặc Xanh	Công ty liên kết	-	234.999.493

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế đến Quý III Năm 2020	Lũy kế đến Quý III Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	183.500.000	234.999.493

**19 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Nhân Tâm Việt kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019 do Công ty lập.

		
_____ <b>Hoàng Thị Kim Lan</b> Người lập	_____ <b>Hoàng Thị Kim Lan</b> Kế toán trưởng	_____  <b>Nguyễn Tuấn Dũng</b> Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020